



THỰC TRẠNG NGHIÊN CỨU NGỮ ĐIỆU TIẾNG VIỆT Ở NƯỚC NGOÀI

Phạm Thị Thu Hà*

Khoa Ngôn ngữ học- Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG Hà Nội

Ngày nhận bài: 21-6-2018; ngày nhận bài sửa: 08-7-2018; ngày duyệt đăng: 24-8-2018

TÓM TẮT

Trong mấy thập kỉ trở lại đây, các nhà ngôn ngữ học (thế giới và Việt Nam) đã và đang quan tâm nhiều hơn đến vấn đề ngữ điệu (intonation) trong tiếng Việt. Trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi tập trung vào những nghiên cứu được công bố ở nước ngoài. Theo chúng tôi, ngữ điệu tiếng Việt cần phải được tiếp cận theo cả hai hướng: Kinh nghiệm và thực nghiệm. Hơn nữa, trong những thiết kế thực nghiệm, ngữ điệu tiếng Việt cần phải được xem xét dưới cả hai góc độ: Là sản phẩm của quá trình tạo sinh lời nói và là đối tượng của quá trình tiếp nhận lời nói.

Từ khóa: ngữ điệu tiếng Việt, thực trạng, tiếp cận kinh nghiệm và thực nghiệm.

ABSTRACT

The reality of overseas Research on Vietnamese Intonation

Intonation is a topic that has attracted a lot of attention over the last few decades. This article aims to provide a formal assessment of overseas research on Vietnamese intonation on the one hand and to propose directions for future research on the other hand. This is one of the first attempts to deal with Vietnamese intonation based on a hybrid approach combining empirical and experimental perspectives by using both production and perceptual experiments.

Keywords: Vietnamese intonation, overseas research, empirical and experimental perspectives.

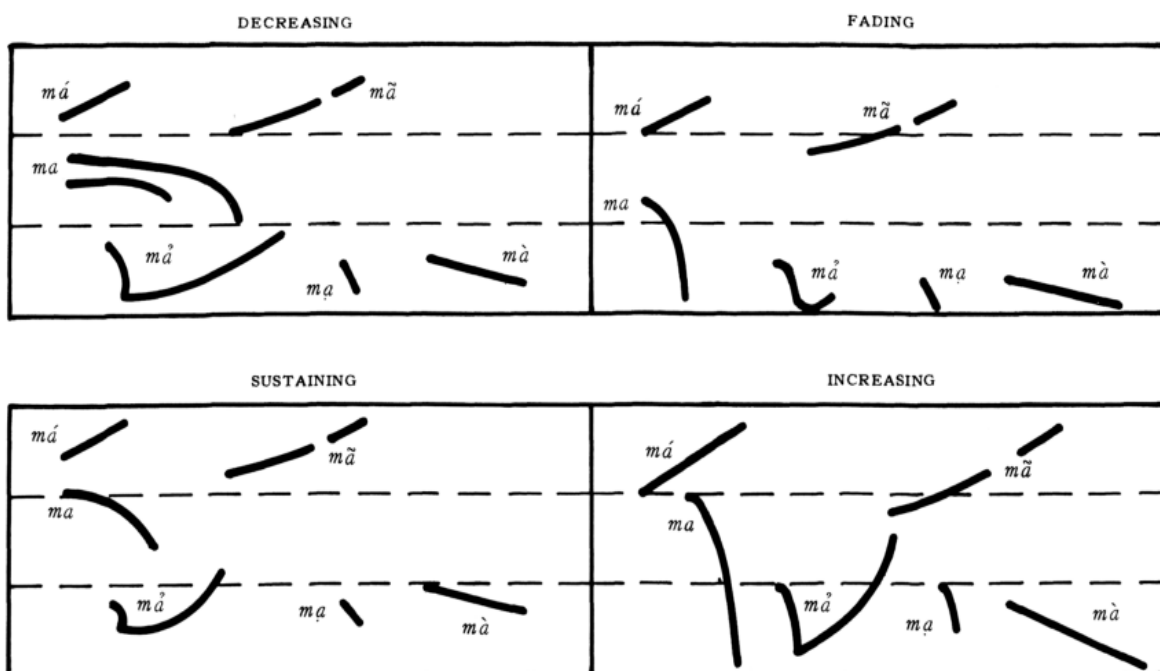
1. Dẫn nhập

Trong mấy thập kỉ trở lại đây, các nhà ngôn ngữ học (thế giới và Việt Nam) đã và đang quan tâm nhiều hơn đến vấn đề ngữ điệu (intonation) trong tiếng Việt – một ngôn ngữ âm tiết tính và có hệ thống thanh điệu phức tạp. Trong công trình “Ngữ điệu tiếng Việt sơ khảo” xuất bản năm 2009, Đỗ Tiến Thắng đã có một phần trình bày ngắn gọn nhưng đầy đủ về tình hình nghiên cứu ngữ điệu ở Việt Nam (Đỗ Tiến Thắng, 2009, tr.13-28). Vì vậy, ở đây, chúng tôi không làm lại công việc đó mà tập trung vào các nghiên cứu về ngữ điệu tiếng Việt được công bố ở nước ngoài. Trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi muốn: (1) điểm lại tình hình nghiên cứu ngữ điệu tiếng Việt (ở nước ngoài); (2) thảo luận, đánh giá về những nghiên cứu đã công bố này và đề xuất những định hướng nghiên cứu mới.

* Email: phamha.ling@gmail.com

2. Lịch sử nghiên cứu ngữ điệu tiếng Việt

Có thể nói, hai công trình đầu tiên đề cập đến vấn đề ngữ điệu trong tiếng Việt là (1) “Khái luận ngôn ngữ học” của Tổ Ngôn ngữ - Đại học Tổng hợp, xuất bản năm 1961 tại Hà Nội và (2) “A Vietnamese Grammar” (“Ngữ pháp tiếng Việt”) của Laurence Thompson, xuất bản năm 1965 tại Seattle – Hoa Kỳ. Trong đó, cuốn thứ nhất, với chỉ hơn một trang viết, đã cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm ngữ điệu và chức năng của ngữ điệu trong tiếng Việt. Điểm đáng chú ý nhất của cuốn sách này khi bàn về ngữ điệu là quan điểm cho rằng: “Trong những ngôn ngữ có thanh điệu, ngữ điệu bị hạn chế rất nhiều, nhất là việc lên giọng hay xuống giọng, bởi vì nếu không, ngữ điệu có thể làm cho từ biến đổi ý nghĩa” (Tổ Ngôn ngữ - Đại học Tổng hợp, 1961, tr. 127). Quan điểm này, theo nhận định của tác giả Đỗ Tiến Thắng, đã có ảnh hưởng rất nhiều đến những nghiên cứu đi sau (Đỗ Tiến Thắng, 2009, tr.13). Còn ở cuốn thứ hai, Thompson đã đưa ra những mô tả rất thú vị về ngữ điệu trong tiếng Việt miền Bắc. Ông cho rằng có 4 mô hình ngữ điệu như sau: Ngữ điệu yếu dần (decreasing), ngữ điệu xuống (fading), ngữ điệu ngang (sustaining) và ngữ điệu mạnh dần (increasing). Có thể hình dung về 4 mô hình ngữ điệu này như hình sau:



Hình 1. Điệu hình thanh điệu trong các mô hình ngữ điệu khác nhau (Thompson, 1965, tr.43)

Có thể thấy các mô hình ngữ điệu này khác nhau chủ yếu ở âm vực (pitch range) và âm điệu hay đường nét biến thiên về độ cao (pitch movement) để biểu đạt những chức năng giao tiếp (communicative function) khác nhau của lời nói tiếng Việt (miền Bắc). Chẳng hạn như, theo Thompson, ngữ điệu xuống thường xuất hiện ở cuối câu trần thuật

trong khi ngữ điệu ngang lại phổ biến trong câu hỏi, còn ngữ điệu mạnh dần thường được tìm thấy ở câu cảm thán.

Năm 1969, ngữ điệu trong tiếng Việt miền Nam lần đầu tiên được đề cập đến trong luận án tiến sĩ của Trần Aurelie Hương Mai (bảo vệ tại Đại học Quốc gia Úc). Trần Aurelie Hương Mai cho rằng ngữ điệu xuất hiện đồng thời với thanh điệu và để bổ sung về sắc thái ngữ nghĩa (shades of meaning) cho lời nói. Tác giả đã đề xuất có thể miêu tả và phân loại ngữ điệu tiếng Việt (miền Nam) dựa trên 3 đặc trưng: (a) âm vực và âm điệu của thanh điệu của âm tiết cuối ngữ-ngữ điệu¹, (b) âm vực của phần còn lại của ngữ-ngữ điệu, và (c) mô hình cường độ của ngữ-ngữ điệu (Trần Aurelie Hương Mai, 1969, tr.212-213). Theo luận án này, nói chung, đường nét ngữ điệu trong tiếng Việt miền Nam có thể chia thành hai nhóm: ngữ-điệu-không-cảm-xúc (non-emotional) và ngữ-điệu-có-cảm-xúc (emotional). Đến lượt mình, ngữ-điệu-không-cảm-xúc lại có thể mang một trong ba kiểu đường nét như sau: Đi xuống (falling), đi ngang (sustained) và đi lên (rising); còn ngữ-điệu-có-cảm-xúc thì có đường nét đi lên (rising) hoặc lên-xuống (rising-falling) (Trần Aurelie Hương Mai, 1969, tr.157).

Sau ba công trình nghiên cứu vừa được nhắc đến ở trên, tính đến nay, với khoảng 10 bài báo đã được công bố ở nước ngoài, các nhà nghiên cứu chủ yếu tập trung tìm hiểu những giá trị ngữ âm học (như tần số cơ bản (f0), cường độ (intensity), trường độ (duration)...) tham gia vào việc phân biệt các phát ngôn mang các chức năng giao tiếp khác nhau. Chẳng hạn như các nghiên cứu của nhóm Đỗ Thế Dũng – Trần Thiên Hương – Nguyễn Thị Thanh Hoa – Georges Boulakia (1998-1999), nhóm Vũ Minh Quang – Trần Đỗ Đạt – Eric Castelli (2006) và nhóm Hạ Kiều Phương – Martine Grice (2010) đã chỉ ra rằng, trong tiếng Việt miền Bắc²:

- Câu trần thuật có điệu hình f0 đi xuống nhẹ;
- Câu nghi vấn có mức độ f0 cao, có xu hướng đi lên ở cuối và có trường độ ngắn hơn so với câu trần thuật;
- Câu cầu khiến có trường độ dài, có mức độ f0 cao (thỉnh thoảng f0 có thể đi lên ở cuối nhưng không lên cao như trong câu nghi vấn) và có cường độ mạnh hơn so với câu trần thuật.

¹ “ngữ-ngữ điệu” là từ dùng của chúng tôi để chuyển dịch khái niệm “pause group”, là từ dùng của Trần Hương Mai (và cả Laurence Thompson nữa), tương đương với khái niệm “intonational phrase” được dùng phổ biến trong giới nghiên cứu ngôn ngữ điệu học (prosody) hiện nay.

² Nghiên cứu của Hoàng Cao Cương công bố trên Tạp chí Ngôn ngữ năm 1985 cũng đã chỉ ra những kết quả nghiên cứu tương tự.

Cũng vẫn là những nghiên cứu trên cứ liệu tiếng Việt miền Bắc, các nghiên cứu của nhóm Marc Brunelle – Hạ Kiều Phương – Martine Grice (2012) và nhóm Francesco Cangemi – Christian Weitz – Hạ Kiều Phương – Marc Brunelle – Martine Grice (2016) cho biết: “Ở một số cộng tác viên, không hề có sự tương phản về f0 hay cường độ giữa câu nghi vấn và câu trần thuật” (Brunelle et al, 2012, tr.25). Trong thực tế, với mỗi một người nói khác nhau có thể thể hiện ngữ điệu rất riêng và rất khác so với người khác. Với cứ liệu thực nghiệm, các nghiên cứu này đã chỉ ra rằng vai trò của ngữ điệu trong các ngôn ngữ có thanh điệu bị hạn chế rất nhiều so với ngữ điệu trong các ngôn ngữ không có thanh điệu. Nhận định này đã từng được nêu lên (nhưng đã không được chứng minh) trong công trình xuất bản năm 1961 của Tổ ngôn ngữ - Đại học Tổng hợp.

3. Một vài nhận xét, đánh giá

Ngoại trừ luận án tiến sĩ của Trần Aurelie Hương Mai (1969) và một báo cáo ngắn của Marc Brunelle (2016), các nghiên cứu về ngữ điệu tiếng Việt từ trước đến nay (ở cả trong và ngoài nước) đều dựa trên ngữ liệu tiếng Việt ở miền Bắc. Có một sự thiếu hụt đáng kể các nghiên cứu trên ngữ liệu tiếng Việt ở miền Nam hay miền Trung. Hơn nữa, hầu hết các nghiên cứu theo hướng thực nghiệm kể trên đều được thực hiện dựa trên tư liệu ghi âm là những câu đọc (được chuẩn bị trước) không thuận tự nhiên của các cộng tác viên (người Việt Nam sống ở cả Việt Nam và nước ngoài).

Bên cạnh đó, những nghiên cứu từ trước đến nay (dù theo hướng kinh nghiệm hay thực nghiệm) đều xuất phát từ góc độ tạo sinh lời nói chứ chưa tiếp cận từ góc độ thụ đắc/tiếp nhận lời nói. Đây chính là hướng đi mới cho những nghiên cứu sau này.

Một số nghiên cứu thực nghiệm gần đây đã chỉ ra rằng có những khác biệt quan trọng về ngữ điệu nhưng mang tính cá nhân. Đây là một đóng góp rất quan trọng. Từ góc độ ngữ âm học, thanh điệu và ngữ điệu có điểm chung là đều sử dụng những thông số âm học như f0, cường độ hay trường độ. Tiếng Việt vốn đã có một hệ thanh điệu phức tạp, thế nên, liệu có tồn tại một hệ ngữ điệu mang cương vị ngữ pháp như hệ thanh điệu hay không? Nếu câu trả lời là “có” thì:

(i) Chứng minh sự tồn tại và cương vị ngữ pháp của hệ thống này như thế nào?

(ii) Chức năng quan trọng nhất của ngữ điệu trong tiếng Việt là gì?

- Có những phát ngôn giống hệt nhau về cấu trúc câu, trật tự từ, hư từ (và thậm chí là cả các yếu tố âm học như f0, cường độ hay trường độ), mà trước nay vẫn được/bị gọi là “câu mơ hồ”, nhưng chỉ cần dựa vào ngữ cảnh là có thể phân biệt được ngay. Trong thực tế nói năng, những câu này hoàn toàn không mơ hồ. Người ta sẽ chẳng bao giờ nhầm lẫn giữa hai câu “Anh ăn cơm không.” (câu trần thuật) và “Anh ăn cơm không?” (câu hỏi), vì rất đơn giản, bối cảnh giao tiếp cho người ta biết điều đó, mà không cần phải dùng đến ngữ điệu.

- Có lẽ, chức năng quan trọng nhất của ngữ điệu tiếng Việt không phải là để phân biệt các kiểu loại phát ngôn (trần thuật, cầu khiến, nghi vấn...) mà là để cung cấp các thông tin về mục đích, thái độ, đánh giá, cảm xúc... của chủ ngôn/người nói. Chúng ta hoàn toàn có thể sử dụng những nghiên cứu thực nghiệm theo hướng thụ đắc/tiếp nhận lời nói để làm rõ hơn nhận định này.

4. Kết luận

Phải nói rằng ngữ điệu tiếng Việt là một vấn đề khó nhưng lí thú. Cho đến nay, ở Việt Nam chỉ có Hoàng Cao Cương coi ngữ điệu là đối tượng nghiên cứu của ngôn điệu học (prosody) và tiếp cận ngữ điệu theo hướng ngữ âm học thực nghiệm. Các nghiên cứu còn lại đều đi theo hướng ngữ âm học kinh nghiệm. Còn các nghiên cứu được công bố ở nước ngoài thì đều đi theo hướng ngữ âm học thực nghiệm hoặc kết hợp cả hai hướng (như tác giả Trần Hương Mai). Chúng tôi cho rằng ngữ điệu tiếng Việt cần phải được tiếp cận theo cả hai hướng. Hơn nữa, khi tiếp cận theo hướng thực nghiệm, ngữ điệu tiếng Việt cần phải được quan sát dưới hai góc độ: là sản phẩm của quá trình tạo sinh lời nói và là đối tượng của quá trình thụ đắc lời nói. Đây cũng là điều mà, tính đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào làm được. Thiết nghĩ, đây sẽ là hướng đi mới đầy triển vọng đối với nghiên cứu ngữ điệu tiếng Việt.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Brunelle, M. (2016). Intonational phrase marking in Southern Vietnamese. *Proceedings of Tonal Aspects of Languages*, Buffalo, 60-64.
- Brunelle, M., Hạ Kiều Phương, & Grice, M. (2012). Intonation in Northern Vietnamese. *The Linguistic Review*, 29(1), 3-36.
- Cangemi, F., Weitz, C., Brunelle, M., Hạ Kiều Phương, & Grice, M. (2016). *Individual specificity, redundancy and the evolution of phonological systems: Intonation in a tone language*. Presented at the The 15th Conference on Laboratory Phonology, Cornell University.
- Hoàng Cao Cương. (1985). Bước đầu nhận xét về đặc điểm ngữ điệu tiếng Việt trên cứ liệu thực nghiệm. *Ngôn Ngữ*, 3, 40-49.
- Đỗ Thế Dũng, Trần Thiên Hương, & Boulakia, G. (1998). Intonation in Vietnamese. *Intonation systems: A survey of twenty languages*, Cambridge: Cambridge University Press, 395-416
- Nguyễn Thị Thanh Hoa, & Boulakia, G. (1999). *Another look at Vietnamese intonation*. Presented at The 14th International Congress of Phonetic Sciences.
- Trần Aurelie Hương Mai. (1969). *Stress, tones and intonation in South Vietnamese*. PhD Dissertation. Australian National University.

- Hạ Kiều Phương, & Grice, M. (2010). *Modelling the interaction of intonation and lexical tone in Vietnamese*. Presented at the Speech Prosody 2010, 5th International Conference, Chicago.
- Vũ Minh Quang, Trần Đỗ Đạt, & Castelli, E. (2006). *Intonation des phrases interrogatives et affirmatives en langue vietnamienne*. Presented at the Actes des XXVI^{es} Journées d'Etudes sur la Parole, Dinard, France.
- Đỗ Tiên Thắng. (2009). *Ngữ điệu tiếng Việt sơ khảo*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Thompson, L. C. (1965). *A Vietnamese grammar*. Seattle: University of Washington Press.
- Tổ Ngôn ngữ - Đại học Tổng hợp. (1961). *Khái luận ngôn ngữ học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.